

TỪ VỰNG - NGỮ PHÁP TIẾNG ANH LỚP 3 THEO UNIT**UNIT 6: STAND UP!****I. Vocabulary - Từ vựng tiếng Anh 3 Unit 6 Stand up!**

Dưới đây là toàn bộ từ vựng tiếng Anh quan trọng có trong bài:

Từ mới	Phân loại/ Phiên âm	Định nghĩa
1. Speak	(v) /spi:k/	nói
2. Write	(v) /raɪt/	viết
3. Come	(v) /kʌm/	đi đến (nơi nào đó)
4. Go	(v) /gəʊ/	đi
5. Open	(v) /əʊpən/	mở
6. Close	(v) /kləʊz/	đóng
7. Ask	(v) /ɑ:sk/	hỏi
8. stand up	(v) /stænd ʌp/	đứng lên
9. sit down	(v) /sɪt daʊn/	ngồi xuống
10. take a seat	(v) /teɪk ə si:t/	ngồi xuống
11. open your book	(v) / 'əʊpən jɔ:(r) bʊk/	mở sách ra
12. close your book	(v) /kləʊz jɔ:(r) bʊk/	gấp sách vào
13. keep silent	(v) /ki:p 'saɪlənt/	giữ trật tự
14. be quite	(v) /bi: 'kwaɪət/	giữ trật tự

15. ask a question	(v) /ɑːsk ə 'kwestʃən/ /	hỏi một câu hỏi
16. come in	(v) /kʌm ɪn/	đi vào trong
17. go out	(v) /gəʊ aʊt/	đi ra ngoài
18. Book	(n) /bʊk/	cuốn sách
19. Question	(n) / 'kwestʃən/	câu hỏi
20. Boy	(n) /bɔɪ/	cậu bé
21. Boys	(n) /bɔɪz/	những cậu bé
22. Girl	(n) /gɜːl/	cô bé
23. Girls	(n) /gɜːlz/	những cô bé
24. children	(n) / 'tʃɪldrən/	đám trẻ con
25. here	(adv) /hɪə(r)/	ở đây
26. out	(pre) /aʊt/	bên ngoài
27. in	(pre) /ɪn/	bên trong
28. sorry	(adj) / 'sɒri/	xin lỗi
29. may	/meɪ/	có thể

30. can	/kən/	có thể
---------	-------	--------

II. Grammar - Ngữ pháp tiếng Anh 3 Unit 6 Stand up!

1. Yêu cầu ai đó giúp mình

(+) **Phrase V.**

(-) **Don't + phrase V.**

Example

- Stand up. (Đứng lên)
- Sit down, please. (Mời ngồi xuống.)
- Don't make noise. (Đừng làm ồn.)
- Don't talk in class, please. (Đừng nói chuyện trong lớp.)

Chú ý, ta có thể thêm từ please vào cuối câu để tăng thêm phần lịch sự cho câu.

Stand up, please. (Vui lòng đứng lên.)

2. Hỏi xem bản thân có được làm gì hay không?

(?) **May I + phrase V?**

(+) **Yes, you can.**

(-) **No, you cannot.**

Chú ý: cannot = can't.

Example

- May I write here? (Tôi có thể viết vào đây không?)

Yes, you can. (Có, bạn có thể.)

- Can I go out? (Tôi có thể ra ngoài không?)

No, you can't. (Không, bạn không thể.)

III. Phonics - Ngữ âm tiếng Anh 3 Unit 6 Stand up!

Luyện phát âm những âm /c/, /d/ và những từ Tiếng Anh dưới đây:

/c/	come /kʌm/	close /kləʊz/	keep /ki:p/	can /kæn/
/d/	do /du:/	down /daʊn/	dad /dæd/	doll /dɔ:l/

IV. Bài tập vận dụng

Reorder these words to have correct sentences

1. may/ sir/ in/ come/ I/ ?/

2. I/ can/ Mrs./ ask/ Jessica/ question/ a/ ?/

3. their/ expensive/ toy cars/ are/ those/ ./

4. you/ are/ student/ a/ new/ ?/

5. his/ book/ close/ please/ ./

6. ,please/ up/ stand/ ./

Đáp án

1. May I come in sir?
2. Can I ask a question Jessica?
3. Those are their expensive toy cars.
4. Are you a new student?
5. Close his book, please
6. Stand up, please

Mời bạn đọc tham khảo thêm nhiều tài liệu ôn tập Tiếng Anh 3 khác như:

Giải bài tập Tiếng Anh lớp 3 cả năm: <https://vndoc.com/tieng-anh-lop-3>

Trắc nghiệm Tiếng Anh lớp 3 online: <https://vndoc.com/test/tieng-anh-lop-3>